

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2022

“V/v ly hôn, trA chấp về nuôi con”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng;
2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, trA chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thủy T**, sinh năm 19xx(Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thị xã V, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Lê Tuấn A**, sinh năm 19xx(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23 tháng 02 năm 2022, lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; sau cưới bà sống bên chồng được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Tuấn A không lo cho gia đình vợ con, trong cuộc sống thì ông Tuấn A rất nghe lời mẹ chồng, có đôi lúc ông Tuấn A còn dùng bạo lực với bà và đuổi bà về nhà cha mẹ ruột, bà với ông Tuấn A sống ly thân cùng nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống chung, bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A có một người con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện đang sống chung với bà Nguyễn Thị Thủy T. Nay bà yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/10/2020 và yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thủy T thay đổi yêu cầu bà không yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Đối với bị đơn ông Lê Tuấn A tại biên bản hòa giải ngày 24/3/2022 ông trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thủy T xây dựng hôn nhân vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã cùng nhau từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến ông và bà T đã sống ly thân cùng nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Trong thời gian chung sống ông và bà T có một con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 12/10/2020 hiện đang sống với bà T, ông Tuấn A đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Số vàng cưới là 07 chỉ vàng lúc vợ đi thì vợ mang theo chứ không phải là không có bà T cho rằng bà bán hết thì thôi ông không yêu cầu tòa xem xét phân tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn A.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Lê Tuấn A. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thủy T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Bảo N sinh ngày 12/10/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng ông Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Tuấn A đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Tuấn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A cưới nhau năm 2019, ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 19/12/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thủy T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T, ông Tuấn A sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng ông Tuấn A không lo cho gia đình vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã cùng nhau mặc dù bà T đã cố gắng chịu đựng để duy trì cuộc sống hôn nhân để cùng ông Tuấn A lo cho gia đình cho con cái có cuộc sống đầy đủ nhưng không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến bà T và ông Tuấn A không thể sống chung cùng nhau được nữa nên bà và ông Tuấn A đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông Tuấn A đã phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay không thể hàn gắn được, từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Tuấn A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thủy T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A có 01 đứa con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 12/10/2020 hiện con đang sống cùng bà Nguyễn Thị Thủy T và bà T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con đến trưởng thành không yêu cầu Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Lê Tuấn A sống ly thân cùng nhau đến nay thì cháu Lê Bảo N sống cùng với bà T. Tại phiên tòa bà T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, nhằm để ổn định tránh cuộc sống hiện tại của cháu Lê Bảo N không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Ngọc và tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Tuấn A cũng đồng ý giao con cho bà T tiếp tục nuôi đến trưởng thành. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Lê Bảo N cho bà Nguyễn Thị Thủy T được quyền tiếp tục nuôi con đến trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thủy T thay đổi yêu cầu bà không yêu cầu ông Lê Tuấn A cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Lê Tuấn A.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 12/10/2020 đến đủ 18 tuổi; ông Lê Tuấn A được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

5. Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009879 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm